Số: 877/QĐ-UBND-HC
Thời gian ký: 07/07/2021 11:06:58 +07:00

**UỶ BAN NHÂN DÂN**
**TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG DÂN QUÂN, DU KÍCH TẬP TRUNG (III)**
**ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP MỘT LẦN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 290/2005/QĐ-TTg VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 188/2007/QĐ-TTg**
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**
***(Kèm theo Quyết định số: 877 /QĐ-UBND-HC ngày 07 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)***

| Số TT | Số hồ sơ | Họ và Tên | Năm sinh | Chổ ở hiện nay (xã, phường) | Ngày tham gia CM | Đơn vị khi tham gia cách mạng | Công việc hay chức vụ được giao | Ngày nghỉ việc | Số năm được tính hưởng | Mức hưởng một lần (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. HUYỆN LAI VUNG** | | | | | | | | | | |
| 1 | | Lê Thị Xuân | 1918 | xã Phong Hòa | Từ năm 1956 - 1962 | Cơ sở mật xã Long Khánh. | Cơ sở mật | 30/4/1975 | 7 | 2,800,000 |
| 2 | | Ngô Thị Tòng | 1954 | xã Phong Hòa | Từ năm 1969 - 4/1975 | Cơ sở mật xã Long Khánh. | Cơ sở mật | 30/4/1975 | 6.5 | 2,600,000 |
| **II. HUYỆN TAM NÔNG:** | | | | | | | | | | |
| 3 | | Nguyễn Văn Khen | 1951 | xã Phú Thành A | Từ tháng 4/1970 - 4/1975 | Cơ sở mật xã Long Khánh. | Cơ sở mật | Tháng 4/1975 | 5 | 2,000,000 |
| 4 | | Phan Văn Bực | 1950 | xã Phú Thành A | Từ tháng 4/1968 - 4/1975 | Cơ sở mật xã Long Khánh. | Cơ sở mật | 30/4/1975 | 5.5 | 2,200,000 |
| | | **TỔNG CỘNG** | **4** | | | | | | | **9,600,000** |

***Tổng số đối tượng: 04 đối tượng***
***Số tiền:*** **9,600,000** ***đồng.***
*- Kinh phí thực hiện nhóm III (4%):* *384,000* *đồng.*
***Tổng cộng:*** ***9,984,000*** ***đồng.***
***Bằng chữ: ( Chín triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng)***

| UỶ BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐỒNG THÁP | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG B, C, K (II)**
**HƯỞNG TRỢ CẤP MỘT LẦN THEO QUYẾT ĐỊNH 290/2005/QĐ-TTg VÀ 188/2007/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**
***(Kèm theo Quyết định số: 877 /QĐ-UBND.HC ngày 07 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)***

| Số TT | Số hồ sơ | Họ và Tên | Năm sinh | Chỗ ở hiện nay (xã, phường) | Cơ quan đang công tác hoặc nghỉ việc, hưu trí, mất sức, hy sinh, từ trần | Số năm được tính hưởng | | Tổng số năm được hưởng | Tổng mức hưởng TC một lần (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Nhóm II mức 500.000 đ | Nhóm III mức 400.000 đ | | |
| **I. HUYỆN HỒNG NGỰ** | | | | | | | | | |
| 1 | | Võ Văn Vịnh | 1948 | xã Thường Phước 1 | Nghỉ việc | 3.5 | | 3.5 | 1,750,000 |
| **II. HUYỆN TÂN HỒNG** | | | | | | | | | |
| 2 | | Đỗ Thị Chín | 1949 | thị trấn Sa Rài | Nghỉ việc | 5 | 5.5 | 10.5 | 4,700,000 |
| 3 | | Võ Việt Quân | 1956 | xã Tân Thành B | Nghỉ việc | 5.5 | | 5.5 | 2,750,000 |
| **III. HUYỆN CAO LÃNH** | | | | | | | | | |
| 4 | | Trần Văn Nghiệp | 1950 | xã Phong Mỹ | Nghỉ việc | 6 | 4.5 | 10.5 | 4,800,000 |
| **IV. HUYỆN LẤP VÒ** | | | | | | | | | |
| 5 | | Lê Thị Uyên | 1948 | xã Mỹ An Hưng B | Nghỉ việc | 2 | | 2 | 1,000,000 |
| | | **TỔNG CỘNG** | **5** | **Nhóm II** | | | | | **11,000,000** |
| | | | | **Nhóm III** | | | | | **4,000,000** |

***Tổng số đối tượng: 05 đối tượng***
***Số tiền:*** **15,000,000** ***đồng.***
*- Kinh phí thực hiện nhóm II (3%):* *330,000* *đồng.*
*- Kinh phí thực hiện nhóm III (4%):* *160,000* *đồng.*
***Tổng cộng:*** ***15,490,000*** ***đồng.***
***Bằng chữ: ( Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng)***